TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT
Ngày 14 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 644/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****:** Ông Lý Văn Q (Q1) - đã chết ngày 05/3/2015.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lý Văn Q (Q1):

1. Anh Lý Thanh M, sinh năm 1970.

2. Anh Lý Hoàng Th, sinh năm 1974.

3. Anh Lý Quốc Th1, sinh năm 1975.

4. Chị Lý Nguyệt Th2, sinh năm 1978.

5. Anh Lý Văn L (L1), sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th, anh Th1, chị Th2 và anh L (L1): Anh Lý Thanh M, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã M, huyện C,

tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- ***Bị đơn*:** Bà Lê Thị C (đã chết năm 2017)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C:

1. Anh Lý Văn K, sinh năm 1976.

2. Anh Lý Trọng H (Văn H), sinh năm 1970.

3. Chị Lý Hương G, sinh năm 1969.

4. Anh Lý Văn L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Lý Mộng Ngh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

6. Chị Lý Thị K1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

7. Chị Lý Ngọc B, sinh năm 1978.

8. Chị Lý Mai H1 (Thị Q), sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị G, anh L, chị Ngh, chị K1, chị B, chị H1: Anh Lý Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Anh Lý Văn K, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1976.

3. Anh Lý Trọng H (Văn H), sinh năm 1970.

4. Chị Lý Hương G, sinh năm 1969.

5. Anh Lý Văn L, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

6. Chị Lý Mộng Ngh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

7. Chị Lý Thị K1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

8. Chị Lý Ngọc B, sinh năm 1978.

9. Chị Lý Mai H1 (Thị Q), sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh H, chị G, anh L, chị Ngh, chị K1, chị B, chị H1: Anh Lý Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

10. Anh Lý Văn Kh, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

11. Anh Võ Văn Nh, sinh năm 1981. (vắng mặt)

12. Anh Võ Triệu V, sinh năm 2007. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Võ Triệu V: Anh Võ Văn Nh, chị Lý Mộng Ngh là cha, mẹ Võ Triệu V. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

13. Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

14. Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Anh Lý Thanh M.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lý Văn Q và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Q gồm anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lý Văn N và cụ Lý Thị S cho ông Lý Văn Q trước năm 1975, sau đó ông Q vẫn để cho cụ N quản lý sử dụng. Năm 1992, cụ N chết, ông Lý Văn Q giao phần đất này cho em ông Q là ông Lý Văn A (chồng bà C) quản lý, sử dụng đến năm 1995. Từ năm 1995 đến năm 2006, ông Q cho cháu là Nguyễn Hồng C1, Nguyễn Hồng Đ mượn làm ruộng tại thửa đất 216 do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.800m^2, có các cạnh ABCD, EFP theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/02/2014. Phần đất còn lại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 178 có diện tích 9.200m^2 (theo đo đạc thực tế có các cạnh CDMN) ông Q cho em là bà Lý Thị T mượn một phần từ năm 1977 đến năm 2007 thì anh K chiếm dụng làm cho đến nay. Phần đất lá còn lại thì ông Q để cho con cháu trong thân tộc đốn lá sử dụng hàng năm.

Ngày 11/4/2003, ông Q họp thân tộc lại có bà C và các con bà C tham dự cùng đồng ý giao trả cho ông Q 17 công đất (tầm 03 mét) nói trên bằng 22.032m^2. Theo sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m^2 gồm:

+ Phần đất thứ nhất gồm các cạnh: ABCD, EFP đã có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất do bà Lê Thị C đứng tên, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 216 có diện tích 11.566,1m^2, trong đó phần đất cất Phủ Thờ họ Lý có diện tích 1.542,3m^2 (*phần đất phủ thờ không tranh chấp).*

+ Phần đất thứ hai gồm các cạnh: CDMN, PQFH có diện tích 8.316,1m^2 là do ông Lý Văn Q đứng tên trong sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Q chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Q gồm anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) ủy quyền cho anh Lý Thanh M làm đại diện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 543864 diện tích 10.800m^2 cấp cho bà Lê Thị C ngày 28/5/2005. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại cho các con ông Q1 hai phần đất trên.

Tại biên bản làm việc ngày 09/4/2021, anh Lý Thanh M đại diện cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q chỉ yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C trả phần đất có diện tích 13.367,2m^2 theo Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 19/7/2017 (BL 567), phần đất thuộc 02 thửa:

+ Phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên trong sổ mục kê địa chính thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 4.665,5m^2.

+ Phần đất thứ hai do bà Lê Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 8.701,7m^2.

Sau khi gia đình bà C với gia đình ông Q thỏa thuận giao trả đất thì ông Q giao cho anh M đi kê khai đăng ký chuyển qua cho anh M đứng tên toàn bộ hai phần đất trong sổ mục kê địa chính với diện tích 14.787m^2 nhập thành thửa 278.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lý Thanh M đại diện cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q đồng ý trừ ra đất lộ và đất bảo lưu ven sông nên yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C trả phần đất diện tích 12.639,2m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

+ Phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên trong sổ mục kê địa chính thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 4.665,5m^2; trừ ra đất lộ và đất bảo lưu ven sông, còn lại diện tích 4.310m^2.

+ Phần đất thứ hai do bà Lê Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 8.701,7m^2 trừ đất lộ, đất bảo lưu ven sông còn diện tích 8.329,2m^2.

Đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C,

anh Lý Văn K trình bày: Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là cụ N cho ông Lý Văn A diện tích 35 công. Sau đó, gia đình ông A có khai phá thêm một phần đất. Ông Q tranh chấp phần đất có diện tích 13.367,2m^2 theo Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 19/7/2017 (BL 567), phần đất thuộc 02 thửa:

+ Phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên trong sổ mục kê địa chính thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 4.665,5m^2.

+ Phần đất thứ hai do bà Lê Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 8.701,7m^2.

Hiện nay các phần đất trên anh, chị Th đang quản lý, canh tác, không có cầm cố, thế chấp hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đang giữ. Tại thửa số 178, tờ bản đồ số 2, anh cho chị Lý Mộng Ngh cất 01 căn nhà để ở. Chị Lý Mộng Ngh sống cùng chồng là anh Võ Văn Nh và con là Võ Triệu V.

Trước đây, gia đình anh thống nhất giao cho anh M theo sơ đồ đo đạc ngày 17/02/2014 thuộc thửa 216 chính là phần đất có các cạnh ABCD, EFP; còn phần đất PQFH có diện tích 4.089,2m^2, trước đây cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn D (cha của Lý Văn Kh) nhưng thực tế gia đình ông A vẫn quản lý, sử dụng. Sau đó, ông A thấy anh Kh không có đất nên kêu anh Kh về cho lại 04 công, đến năm 2005 thì anh Kh sang lại cho anh. Còn phần đất có các cạnh CDMN có diện tích 4.226,9m^2 là do cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn A, ông A chết để lại cho anh quản lý, canh tác.

Ông Q trình bày cho chị Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hồng C1 mượn đất là không đúng vì phần đất này từ trước đến nay gia đình anh quản lý, sử dụng liên tục trên 40 năm. Nay anh đại diện cho các anh em yêu cầu hủy biên bản họp thân tộc và sơ đồ phân chia đất vào ngày 11/4/2003. Lý do: Trước đây, gia đình anh cho anh M đất là có điều kiện, anh M đứng ra làm Phủ thờ họ Lý đến khi hoàn thành, nhưng anh M không làm mà bỏ ngang giữa chừng nên anh và những người trong thân tộc đứng bỏ tiền và công sức để làm nay đã hoàn thành. Các anh em anh không yêu cầu công cải tạo, đầu tư trên đất trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 37, 38, 74, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 232, 266, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 124, 166 của Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 188, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn là ông Lý Văn Q (Q1) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, chị Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) đối với yêu cầu bà Lê Thị C và những người có liên quan trả lại quyền sử dụng phần đất có diện tích 12.639,2m^2 (đã trừ lộ giới và đất bảo lưu ven sông), tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ngày 19/7/2017 và Bản vẽ hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29 tháng 8 năm 2022)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Lý Thanh M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lý Thanh M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Anh Lý Thanh M đại diện các nguyên đơn yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả lại diện tích đất còn lại 12.639,2m^2 theo bảng trích đo hiện trạng ngày 14/7/2017 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa số 216 là có căn cứ. Tuy nhiên trên đất có căn nhà của chị Lý Mộng Ngh, hiện chị Ngh không còn nơi ở nào khác nên cần giao chị Ngh tiếp tục sử dụng phần đất đang ở, phần còn lại giao cho phía nguyên đơn; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lê Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sư vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và đơn kháng cáo của ông Lý Thanh M nằm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lý Thanh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của anh Lý Thanh M.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Anh Lý Thanh M đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lý Văn Q (Q1) yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C trả lại có diện tích đất 12.639,2m^2 theo Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 19/7/2017 (BL 567), và Bản vẽ hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29 tháng 8 năm 2022, phần đất thuộc 02 thửa:

+ Phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên trong sổ mục kê địa chính thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 4.665,5m^2, đối trừ đất lộ giới và đất bảo lưu ven sông còn diện tích 4.310m^2.

+ Phần đất thứ hai do bà Lê Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 2, có diện tích theo đo đạc thực tế 8.701,7m^2, đối trừ đất lộ giới và đất bảo lưu ven sông, còn diện tích 8.329,2m^2.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp được các đương sự thống nhất trình bày là của ông Lý Văn N là cha của ông Lý Văn Q và ông Lý Văn Ấn (ông A là chồng bà Lê Thị C) để lại, đất tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Thanh M cho rằng, ông Lý Văn Q - cha ông được cho diện tích 17 công tầm lớn vào năm 1963, nhưng không có giấy tờ, tài liệu xác định diện tích đất như anh M trình bày. Theo như ông Q trình bày tại biên bản làm việc ngày 25/12/2007 của UBND xã K (BL 13) như sau: "*Cha chia đất cho 03 anh em năm 1963, phần đất của tôi không biết bao nhiêu. Năm 1970, tôi về Kiên Giang. Năm 1975, tôi có về quê giao đất lại cho cha tôi*".

Tuy nhiên, ngày 26/3/2003 (al), bà Lê Thị C có làm tờ chia đất cho các con, trong đó có chia cho M (Lý Thanh M là con của ông Q) 17 công tầm lớn, có các con bà C ký tên và có xác nhận của ông Lý Văn Q ngày 11/4/2003 (BL 328).

Ngày 11/4/2003, ông Lý Văn Q có lập sơ đồ phân chia đất có nội dung: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do em dâu là Lê Thị C đứng tên nay giao trả và phân chia cho các con cháu là đúng, nên tôi kẻ lại sơ đồ đất để được rõ ràng hơn, theo sơ đồ của tôi được nhiều người và thân tộc xác định đúng. Và nhất trí ký tên để sau này các con cháu làm bằng chứng về sau. ...Lê Thị C đứng tên nay trả cho con ông Q1 là Lý Thanh M DT: 7.032m^2, 15.000m^2 tổng cộng 22.032m^2. Có bà C và các con ký tên (BL 326-327).

Ông Lý Văn K xác định có cuộc họp thân tộc như trên, bà C đồng ý cắt giao cho ông Q diện tích đất 10.023,8m^2. Do trước đây gia đình thống nhất cho anh M là cho có điều kiện, yêu cầu anh M đứng ra làm Phủ thờ họ Lý đến khi

hoàn thành, nhưng anh M không thực hiện xong công việc nên anh K không thống nhất với yêu cầu của anh M. Tuy nhiên, theo biên bản họp thân tộc chia đất trên, bà C chia đất cho anh M là 17 công tầm lớn, không có nêu điều kiện gì. Anh K cho rằng phần đất tranh chấp là của ông N giao cho ông A quản lý nhưng lời trình bày của anh K không được phía nguyên đơn xác nhận, không phù hợp với nội dung văn bản về việc phân chia đất trong gia đình nên không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc phân chia đất của bà C ngày 26/3/2003 al là việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà C, các con bà C với ông Q, anh M, việc tặng cho này là không có giá trị pháp lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, việc bà C xác nhận chia đất năm 2003 không phải là việc tặng cho đất mà là việc thực hiện tiếp việc phân chia đất trong họ tộc.

Tại Biên bản ghi ý kiến bà Lê Thị C ngày 22/01/2007 của Tư pháp xã K, có nội dung: vào năm 2003 gia đình thân tộc đồng ý chia cho anh 4 Q1 là 07 công tầm lớn... giấy phân chia đất có 1 tờ do Lý Văn H viết và 1 tờ do Lý Thanh M viết... tôi cũng đồng ý như từ trước chia cho Lý Thanh M con anh Tư Q1 là 7 công tầm lớn... (BL15).

Vì vậy, việc anh Lý Thanh M cho rằng ông Q được ông N chia cho 17 công tầm lớn là phù hợp với nội dung Tờ phân chia đất ngày 26/3/2003 al nên có cơ sở chấp nhận lời trình bày của phía nguyên đơn về vấn đề này. Anh M đại diện cho nguyên đơn yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả lại phần đất có diện tích còn lại là 12.639,2m^2 theo bảng trích đo hiện trạng ngày 14/7/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Theo những người làm chứng, ông Nguyễn Thành V - Trưởng ấp 8, xã K1 nay là ấp 2, xã K, huyện U thời điểm năm 1991 đến năm 1997 nay là Chi hội trưởng Cựu chiến binh, ông Trần Văn N - Nguyên là Trưởng ấp 8, xã K1, huyện U từ năm 1975 đến năm 1980 đồng thời ông cũng là người cặp ranh đất với ông Lý Văn N, ông Nguyễn Văn V - là Bí thư Chi bộ ấp 8, xã K1, huyện U từ năm 1991 đến năm 2007 và hiện nay là hội viên cựu chiến binh ấp 2, xã K, huyện U đều xác nhận diện tích đất tranh chấp là của ông N để lại, ông Q không Q lý, sử dụng, canh tác mà ông Lý Văn A và vợ ông A là Lê Thị C là người trực tiếp canh tác quản lý, sử dụng từ tiếp thu 1975 đến nay (BL 625).

Như vậy, ông N có cho ông Q một phần đất nhưng ông Q đã không canh tác trực tiếp trên đất từ năm 1970 cho đến thời điểm phát sinh tranh chấp năm 2007 là gần 40 năm. Trong khi đó, ông A, bà C, anh K, chị Ngh tiếp nối nhau liên tục canh tác, khai hoang, cải tạo đất từ đất rừng, đất phèn từ năm 1970 đến nay. Quá trình sử dụng đất, khoảng năm 1980, ông A kêu anh Lý Văn Kh là con của ông Diệp về chia cho 04 công đất. Năm 2005 anh Kh sang lại cho anh K phần đất này. Tại hồ sơ có thể hiện bút tích của ông A qua thư tay của ông A gửi cho anh Kh với nội dung kêu anh Kh đến Ban tài chính xã K1 để đóng thuế phần 04 công đất trên. Nội dung này có xác nhận của chính quyền ấp 8, xã K1 vào ngày 27/6/2001 (BL 154-156). Sau đó, anh Kh bán lại cho anh K vào năm 2005,

anh K canh tác cho đến nay. Ngoài ra, hiện nay, trên phần đất này, chị Ngh, anh Nhì đã cất một căn nhà, có cây nước và trồng một số cây ăn trái. Do đó, phía bị đơn có nhiều công sức trong việc quản lý, giữ gìn, bảo quản tài sản và quá trình sử dụng đất lâu dài, ổn định nên cần buộc phía bị đơn thanh toán trả cho nguyên đơn giá trị quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp và để cho phía bị đơn tiếp tục được quản lý, sử dụng đất.

Trên cơ sở phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc phía bị đơn trả lại cho nguyên đơn giá trị diện tích đất tranh chấp. Đất tranh chấp là đất nuôi trồng thủy sản và có một phần là đất ở nhưng không xác định được diện tích đất ở do chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 178) nên tính giá trị đất nuôi trồng thủy sản cho toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.639.2m^2 x 30.000 đồng/m^2 = 379.176.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được tính lại như sau:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) phải chịu 18.958.800 đồng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu 15.670.000 đồng. Do phía nguyên đơn đã tạm ứng nên buộc bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) phải thanh toán lại cho nguyên đơn (do anh Lý Thanh M đại diện nhận) 15.670.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 460; 611; 623; 649; 650; 651 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lý Thanh M.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 10/PC-TA ngày 02/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn là ông Lý Văn Q (Q1) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, chị Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1).

Buộc bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) thanh toán cho nguyên đơn ông Lý Văn Q (Q1), có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, chị Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) số tiền 379.176.000 (ba trăm bảy mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/. Bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 12.639,2m^2 (đã trừ lộ giới và đất bảo lưu ven sông), tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. *(Kèm theo Trích đo hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ngày 19/7/2017 và Bản vẽ hiện trạng của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc – Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29 tháng 8 năm 2022)*

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, cấp đổi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

3/. Án phí dân sự và chi phí tố tụng sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) phải chịu 18.958.800 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị C (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm anh Lý Văn K, anh Lý Trọng H, chị Lý Hương G, anh Lý Văn L, chị Lý Mộng Ngh, chị Lý Thị K1, chị Lý Ngọc B, chị Lý Mai H1) phải thanh toán lại cho nguyên đơn (do anh Lý Thanh M đại diện nhận) 15.670.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và các chi phí tố tụng khác.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Thanh M không phải chịu. Hoàn trả cho anh Lê Thanh M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000173 ngày 19/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- ĐS (16);
- Lưu VP(3), HS(2).26b.TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy